Danish (dansk)

Indledende ritualer

Tegn på korset

I Faderens og Sønnens og den hellige Ånds navn.

Amen

Hilsen

Vores Herres Jesus Kristi nåde, Og Guds kærlighed, og Helligåndens nattverd være med jer alle.

Og med din ånd.

Penitentiel handling

Brødre (brødre og søstre), lad os anerkende vores synder, Og så forbered os på at fejre de hellige mysterier.

Jeg tilstår den almægtige Gud Og til dig, mine brødre og søstre, at jeg har syndet meget, I mine tanker og med mine ord, i hvad jeg har gjort og i hvad jeg har undladt at gøre, gennem min skyld, gennem min skyld, gennem min mest alvorlige skyld; Derfor spørger jeg velsignet Mary Ever-Virgin, Alle engle og hellige, Og du, mine brødre og søstre, At bede for mig til Herren vores Gud.

Må den Almægtige Gud være barmhjertig med os, Tilgiv os

Vietnamese (Tiếng Việt)

Nghi thức giới thiệu

Biển báo chữ thập

Nhân danh Chúa Cha, và của Con, và của Chúa Thánh Thần.

Amen

Lời chào

Ân sủng của Chúa Jesus Christ của chúng ta, và tình yêu của Chúa, và sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần ở bên tất cả các bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Hành động sám hối

Anh em (anh chị em), chúng ta hãy thừa nhận tội lỗi của mình, Và vì vậy hãy chuẩn bị để ăn mừng những bí ẩn thiêng liêng.

Tôi thú nhận với Chúa toàn năng Và với bạn, anh chị em của tôi, rằng tôi đã phạm tội rất nhiều, trong suy nghĩ của tôi và trong lời nói của tôi, trong những gì tôi đã làm và trong những gì tôi đã không làm, thông qua lỗi của tôi, thông qua lỗi của tôi, thông qua lỗi đau buồn nhất của tôi; Vì vậy, tôi hỏi Mary Ever-irgin, Tất cả các thiên thần và các vị thánh, Và bạn, anh chị em của tôi, để cầu nguyện cho tôi với Chúa, Thiên Chúa của chúng ta.

Cầu mong Chúa toàn năng thương xót chúng ta, tha thứ

Danish (dansk)

vores synder, og bringe os til det evige liv.

Amen

Kyrie

Herre, vær barmhjertig.

Herre, vær barmhjertig.

Kristus, vær barmhjertig.

Kristus, vær barmhjertig.

Herre, vær barmhjertig.

Herre, vær barmhjertig.

Gloria

Ære til Gud i det højeste, Og på jorden fred til mennesker med god vilje. Vi roser dig, Vi velsigner dig, Vi elsker dig, Vi glorificerer dig, Vi takker dig for din store herlighed, Herre Gud, himmelsk konge, O Gud, den almægtige far. Lord Jesus Kristus, enbårne søn, Herre Gud, Guds Lam, Faderens søn, Du fjerner verdens synder, Vær barmhjertig med os; Du fjerner verdens synder, modtage vores bøn; du sidder ved farens højre hånd, Vær barmhjertig med os. For dig alene er den hellige, Du alene er Herren, Du alene er den højeste, Jesus Kristus, Med Helligånden, I Guds herlighed Faderen. Amen.

Vietnamese (Tiếng Việt)

cho chúng ta tội lỗi của chúng ta, Và đưa chúng ta đến cuộc sống vĩnh cửu.

Amen

Kyrie

Chúa có lòng thương xót.

Chúa có lòng thương xót.

Chúa ơi, xin thương xót.

Chúa ơi, xin thương xót.

Chúa có lòng thương xót.

Chúa có lòng thương xót.

Gloria

Vinh quang Đức Chúa Trời cao cả nhất, và hòa bình trên trái đất cho những người có thiện chí. Chúng tôi khen ngợi bạn, chúng tôi chúc phúc cho bạn, Chúng tôi yêu mến bạn, chúng tôi tôn vinh bạn, chúng tôi cảm ơn bạn vì vinh quang to lớn của bạn, Lạy Chúa là Vua trên trời, Lạy Chúa là Cha toàn năng. Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Độc Sinh, Lạy Chúa là Thiên Chúa, Chiên Con của Chúa, Con của Cha, bạn lấy đi tội lỗi của thế giới, Hãy thương xót chúng tôi; bạn lấy đi tội lỗi của thế giới, nhận lời cầu nguyện của chúng tôi; bạn đang ngồi bên hữu Đức Chúa Cha, Hãy thương xót chúng tôi. Đối với bạn một mình là Đấng Thánh, một mình bạn là Chúa, một mình bạn là Đấng Tối Cao, Chúa ơi, với Chúa Thánh Thần,

Danish (dansk)

Vietnamese (Tiếng Việt)

trong vinh quang của Đức Chúa Trời là Cha. Amen.

Indsamle

Sưu tầm

Lad os bede.

Hãy cùng cầu nguyện.

Amen.

Amen.

Liturgi af ordet

Phụng vụ của từ

Første læsning

Lần đầu đọc

Herrens ord.

Takket være Gud.

Lời của Chúa.

Tạ ơn thần.

Responsorial Salme

Thi thiên đáp ứng

Anden læsning

Đọc thứ hai

Herrens ord.

Takket være Gud.

Lời của Chúa.

Tạ ơn thần.

Evangelium

Sách Phúc Âm

Herren være med dig.

Og med din ånd.

En læsning fra det hellige evangelium ifølge N.

Ære til dig, Herre

Herrens evangelium.

Ros til dig, Lord Jesus Kristus.

Chúa ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Bài đọc Phúc âm thánh theo N.

Vinh quang cho bạn, hỡi Chúa

Tin Mừng của Chúa.

Lạy Chúa Giêsu Kitô, ngợi khen Chúa.

Homily

Bài giảng

Troens erhverv

Tuyên xưng đức tin

Jeg tror på en gud, Faderen Almægtige, producent af himmel og jord, af alle ting synlige og usynlige. Jeg tror på en Herre Jesus Kristus, Den eneste Begotten Guds søn, Født af faren før alle aldre. Gud fra Gud, Lys fra lys, Ægte Gud fra ægte Gud, Begelt, ikke lavet, konsubstantisk med Faderen; Gennem ham blev alle ting lavet. For os mænd og for

Tôi tin vào một Chúa, Cha toàn năng, người tạo ra trời và đất, của tất cả những thứ hữu hình và vô hình. Tôi tin vào một Chúa Giê-xu Christ, Con Độc Sinh của Đức Chúa Trời, sinh ra bởi Cha trước mọi thời đại. Chúa từ Chúa, Ánh sáng từ ánh sáng, Chúa thật từ Chúa thật, được sinh ra, không được tạo dựng, hợp thể với Đức

Danish (dansk)

vores frelse kom han ned fra himlen, og ved Helligånden var inkarneret af Jomfru Maria, og blev mand. For vores skyld blev han korsfæstet under Pontius Pilate, Han led døden og blev begravet, og steg igen på den tredje dag I overensstemmelse med skrifterne. Han steg op til himlen og sidder ved farens højre hånd. Han kommer igen i herlighed At bedømme de levende og de døde Og hans rige har ingen ende. Jeg tror på Helligånden, Herren, livets giver Hvem fortsætter fra Faderen og Sønnen, Hvem sammen med Faderen og Sønnen er elsket og glorificeret, der har talt gennem profeterne. Jeg tror på en, hellig, katolsk og apostolisk kirke. Jeg tilstår en dåb for tilgivelse af synder Og jeg ser frem til de dødes opstandelse Og livet i den kommende verden. Amen.

Universel bøn

Vi beder til Herren.

Herre, hør vores bøn.

Liturgi af eukaristien

Vietnamese (Tiếng Việt)

Chúa Cha; Nhờ Ngài, tất cả mọi thứ đã được thực hiện. Đối với loài người chúng ta và vì sự cứu rỗi của chúng ta, Ngài đã từ trời xuống, và bởi Chúa Thánh Thần đã nhập thể của Đức Trinh Nữ Maria, và trở thành người đàn ông. Vì lợi ích của chúng tôi, ông ấy đã bị đóng đinh dưới tay Pontius Pilate, anh ta phải chịu cái chết và được chôn cất, và tăng trở lại vào ngày thứ ba phù hợp với Kinh thánh. Anh ấy lên trời và ngự bên hữu Đức Chúa Cha. Ngài sẽ trở lại trong vinh quang phán xét người sống và người chết và vương quốc của anh ấy sẽ không có hồi kết. Tôi tin vào Chúa Thánh Thần, Chúa, Đấng ban sự sống, người đến từ Chúa Cha và Chúa Con, ai ở với Cha và Con được tôn thờ và tôn vinh, người đã nói qua các tiên tri. Tôi tin vào một Giáo hội thánh thiện, công giáo và tông truyền. Tôi tuyên xưng một Phép Rửa để được tha tội và tôi mong chờ sự sống lại của người chết và cuộc sống của thế giới sắp tới. Amen.

Cầu nguyện phổ quát

Chúng tôi cầu nguyện với Chúa.

Lạy Chúa, xin nghe lời cầu nguyện của chúng con.

Danish (dansk)

Tilbud

Velsignet være Gud for evigt.

Bed, brødre (brødre og søstre), At mit offer og din kan være acceptabel for Gud, Den Almægtige far.

Må Herren acceptere ofret i dine hænder For ros og herlighed af hans navn, Til vores gode Og det gode ved hele hans hellige kirke.

Amen.

Eukaristisk bøn

Herren være med dig.

Og med din ånd.

Løft dine hjerter op.

Vi løfter dem op til Herren.

Lad os takke Herren vores Gud.

Det er rigtigt og retfærdigt.

Hellig, hellig, hellig Herre Gud af værter. Himmel og jord er fulde af din herlighed. Hosanna i det højeste. Velsignet er han, der kommer i Herrens navn. Hosanna i det højeste.

Troens mysterium.

Vi forkynder din død, Herre, og erkend din opstandelse Indtil du kommer igen. Eller: Når vi spiser dette brød og drikker denne kop, Vi forkynder din død, Herre, Indtil

Vietnamese (Tiếng Việt)

Phụng vụ của Bí tích Thánh Thể

Vật phẩm

Chúc tụng Chúa đến muôn đời.

Cầu nguyện, anh em (anh chị em), rằng sự hy sinh của tôi và của bạn có thể được Đức Chúa Trời chấp nhận, Cha toàn năng.

Xin Chúa chấp nhận sự hy sinh trong tay bạn vì sự ngợi khen và vinh quang danh Ngài, vì lợi ích của chúng tôi và sự tốt lành của tất cả Giáo hội thánh thiện của Ngài.

Amen.

Cầu nguyện Thánh Thể

Chúa ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Nâng cao trái tim của bạn.

Chúng tôi nâng họ lên với Chúa.

Chúng ta hãy tạ ơn Chúa là Thiên Chúa của chúng ta.

Nó là đúng và chính xác.

Holy, Holy, Holy Lord God of host. Trời và đất đầy vinh quang của bạn. Kinh tin kính chúa tối cao. Phước cho kẻ nhân danh Chúa mà đến. Kinh tin kính chúa tối cao.

Bí ẩn của niềm tin.

Chúng tôi tuyên bố cái chết của bạn, hỡi Chúa, và tuyên bố sự phục sinh của bạn cho đến khi bạn trở lại. Hoặc: Khi chúng ta ăn Bánh này và uống

Danish (dansk)

du kommer igen. Eller: Gem os, verdens frelser, for ved dit kors og opstandelse Du har frigivet os.

Amen.

Nattverd ritual

På Frelserens kommando Og dannet af guddommelig undervisning, tør vi sige:

Vores far, der er i himlen, Helliget blive dit navn; dit rige kommer, din vil være færdig På jorden som det er i himlen. Giv os denne dag vores daglige brød, Og tilgiv os vores overtrædelser, når vi tilgiver dem, der overtræder mod os; og føre os ikke til fristelse, men leverer os fra det onde.

Lever os, Herre, vi beder fra ethvert ondt, Giv elskværdig fred i vores dage, Det ved hjælp af din nåde, Vi er måske altid fri for synd og sikkert fra al nød, Når vi venter på det velsignede håb og vores Frelserens komme, Jesus Kristus.

For kongeriget, Kraften og herligheden er din nu og for altid.

Vietnamese (Tiếng Việt)

Chén này, chúng tôi tuyên bố cái chết của bạn, hỡi Chúa, cho đến khi bạn trở lại. Hoặc: Cứu chúng tôi, Cứu Chúa của thế giới, vì Thập tự giá và sự Phục sinh của bạn bạn đã giải phóng chúng tôi.

Amen.

Nghi thức Rước lễ

Theo lệnh của Saviour và được hình thành bởi sự dạy dỗ của thần thánh, chúng tôi dám nói:

Cha của chúng ta, Đấng ngự trên trời, linh thiêng là tên của bạn; vương quốc của bạn đến, bạn sẽ được thực hiện dưới đất cũng như trên trời. Cho chúng tôi miếng ăn hằng ngày, và tha thứ cho chúng tôi những vi phạm của chúng tôi, khi chúng ta tha thứ cho những ai xâm phạm chúng ta; và dẫn chúng ta không bị cám dỗ, nhưng hãy giải cứu chúng ta khỏi sự dữ.

Lạy Chúa, xin giải thoát chúng con khỏi mọi điều ác, ân cần ban cho hòa bình trong thời đại của chúng ta, điều đó, nhờ sự giúp đỡ của lòng thương xót của bạn, chúng ta có thể luôn luôn thoát khỏi tội lỗi và an toàn trước mọi khó khăn, khi chúng ta chờ đợi niềm hy vọng may mắn và sự xuất hiện của Đấng Cứu Rỗi của chúng ta, Chúa Giê Su Ky Tô.

Danish (dansk)

Vietnamese (Tiếng Việt)

Đối với vương quốc, quyền lực và vinh quang là của bạn bây giờ và mãi mãi.

Lord Jesus Kristus, der sagde til dine apostle: Fred jeg forlader dig, min fred giver jeg dig, Se ikke på vores synder, Men på din kirkes tro, og giver elskværdig hendes fred og enhed I overensstemmelse med din vilje. Der bor og regerer for evigt og altid.

Lạy Chúa Giêsu Kitô, ai đã nói với các Sứ đồ của bạn: Bình yên tôi để lại cho bạn, bình yên của tôi tôi cho bạn, đừng nhìn vào tội lỗi của chúng ta, nhưng dựa trên đức tin của Giáo hội của bạn, và ân cần ban cho cô ấy hòa bình và thống nhất phù hợp với ý muốn của bạn. Ai sống và trị vì mãi mãi.

Amen.

Amen.

Herrens fred er altid med dig.

Sự bình an của Chúa luôn ở với bạn.

Og med din ånd.

Và với tinh thần của bạn.

Lad os tilbyde hinanden tegnet på fred.

Chúng ta hãy cho nhau dấu chỉ của hòa bình.

Guds Lam, du fjerner verdens synder, Vær barmhjertig med os. Guds Lam, du fjerner verdens synder, Vær barmhjertig med os. Guds Lam, du fjerner verdens synder, Giv os fred.

Chiên con của Đức Chúa Trời, bạn cất đi tội lỗi của thế giới, Hãy thương xót chúng tôi. Chiên con của Đức Chúa Trời, bạn cất đi tội lỗi của thế giới, Hãy thương xót chúng tôi. Chiên con của Đức Chúa Trời, bạn cất đi tội lỗi của thế giới, ban cho chúng tôi hòa bình.

Se Guds lam, Se ham, der fjerner verdens synder. Velsignede er dem, der kaldes til aftensmad af lammet.

Kìa Chiên Con của Đức Chúa Trời, Kìa người cất tội lỗi thế gian. Phước cho những ai được gọi đến bữa tối của Chiên Con.

Herre, jeg er ikke værdig at du skulle komme ind under mit tag, Men siger kun ordet og min sjæl skal heles.

Chúa ơi, con không xứng đáng mà bạn nên vào dưới mái nhà của tôi, nhưng chỉ nói lời nói và linh hồn tôi sẽ được chữa lành.

Kristi legeme (blod).

Mình (Máu) của Đấng Christ.

Danish (dansk)

Amen.

Lad os bede.

Amen.

Afsluttende ritualer

Velsignelse

Herren være med dig.

Og med din ånd.

Må den almægtige Gud velsigne dig, Faderen og Sønnen og Helligånden.

Amen.

Afskedigelse

Gå ud, massen er afsluttet. Eller: Gå og annoncerer Herrens evangelium. Eller: Gå i fred og glorificere Herren ved dit liv. Eller: Gå i fred.

Takket være Gud.

Reference(s):

This text was automatically translated to Danish from the English translation of the Roman Missal © 2010, International Commission on English in the Liturgy.

Vietnamese (Tiếng Việt)

Amen.

Hãy cùng cầu nguyện.

Amen.

Kết thúc nghi thức

Ban phước

Chúa ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Xin Chúa toàn năng phù hộ cho bạn, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Amen.

Sa thải

Đi ra ngoài, thánh lễ đã kết thúc. Hoặc: Ra đi loan báo Tin Mừng của Chúa. Hoặc: Ra đi trong bình an, đời đời bạn làm vinh hiển Chúa. Hoặc: Đi trong hòa bình.

Tạ ơn thần.

Reference(s):

This text was automatically translated to Vietnamese from the English translation of the Roman Missal © 2010, International Commission on English in the Liturgy.

massineverylanguage.com
© 2025 Copyright Calgorithms LLC